



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAN VAN NHAN
Last Middle First

Current Address: 37/24 P. 7 - Cach Mang Thang 8 / Q. Tan Binh - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 1936 Place of Birth: Sigon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant - ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/15/1975 To 02/13/1988
Years: 12 Months: 08 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>CAO - Thi - Phi</i>	<i>1957</i>	<i>wife</i>
<i>Pham - Manh - Bao</i>	<i>1975</i>	<i>son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988

của Bộ Hội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Phạm Văn Nhân Sinh năm 1936

Các tên gọi khác " "

Nơi sinh Hải Phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Lô 7C số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Trùng lập Chính quyền tự trị tỉnh Bắc

Bị bắt ngày 13-6-1975 Án phạt TRỌT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Lô 7C số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Nhân đã ổn định, trong lao động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

Tiền đi được đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Lần tay ngỏ trái phải
Của Phạm Văn Nhân
Danh liên số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

P. Trưởng trại
(đặt rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)



R. B. B. B.

Đã chi tiền nay:

37/24 phường 7, Cầu Màng, Quận 8, Quận TÂN BÌNH
TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Việt Nam, ngày 10.8.1988

Thưa Ba,

Qua đài "Tiếng Nói Hoa Kỳ" và bạn bè, tôi được biết Ba là người Việt Nam có uy tín và quan hệ tốt nhiều nhân vật trong chính quyền Mỹ. Ba lại là người hoạt động nhiệt tình và luôn luôn để cái tư tưởng Việt Nam được thả lỏng tư do và định cư tại Mỹ. Vì vậy, là một tư nhân chính trị vào được thả ra khỏi trại cải tạo, tôi xin Ba vui lòng giúp đỡ cho một vài như sau.

1/ Nếu Ba vui lòng cho biết là tên tôi có được ghi trong danh sách các tư nhân chính trị Việt Nam được tái định cư tại Hoa Kỳ không?

Để Ba tiện theo dõi, tôi xin gửi kèm theo đây giấy đề tài của tôi và vài hàng số liên hệ lý lịch.

Phạm Văn NHÂN sinh ngày: 14.5.1936 tại Saigon
Cấp báo: Trung úy (Đoàn Sĩ Quan Chính), Sĩ Quan 56/105703

Chức vụ: Chánh Văn

Cơ quan: Phủ Đặc Ủy Trung ương Tỉnh Bạc

Ngày bị bắt: 15.6.1975

Ngày được thả: 13.2.1988

Địa chỉ hiện tại: 37/24 Phường 7, Cách Mạng Tháng 8 Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh

Gia đình: Vợ: Cao Thị Phu Sinh: 20.6.1951 tại Nam Định

- Con: Phạm Mạnh Bảo 26.9.1975 tại TP HCM

Cả 2 người này đều ở cùng địa chỉ hiện tại của tôi.

2/ Nếu tôi không có tên trong danh sách sẽ kê trên thì xin Ba vui lòng giúp đỡ tôi bằng cách gửi kèm giấy ra trại của tôi (cùng với địa chỉ liên lạc gia đình hiện tại) để một cơ quan của chính phủ Hoa Kỳ theo dõi thăm hỏi của Ba, đồng thời về vấn đề tư nhân chính trị Việt Nam để họ cân xét trường hợp của tôi.

Trân trọng chú Ba và gia đình luôn luôn vui mừng và xin Ba nhân nơi đây lòng biết ơn chân thành của tôi.

Kính chào Ba

Phạm Văn Nhân

FROM: Phạm Văn Nhân
37/24 Phan Văn CMT8
quận Tân Bình HCM
PAR AVION



TO: Mrs. Khúc Minh Tho'
PO Box 5435
Arlington VA 22205 0635
U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV #

Date: 30-3-1990
Ngày: 30-3-1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhoom Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : PHAM VAN NHAN Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 14.5.1936 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 37/24 Caid Mang thang 8 phường 6 quận TAN BINH, Thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : như trên
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Tự do

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. CAO THỊ PHU	20.6.1951	Nam Định	Nữ	M	Vợ
2. PHAM MINH BAO	26.9.1975	TP HCM	Nam	S	Con
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

Không

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

Không

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Phạm Việt Nhân (chết)
2. Mother
Mẹ : Nguyễn Thị Hiền (Sống)
3. Spouse
Vợ/Chồng: : Cao Thị Phi (Sống)
4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____
5. Children
Con cái: (1) Phạm Mạnh Bảo
(2) _____
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

Siblings

Anh chị em:

- (1) Phạm Văn Hào
- (2) Phạm Thị Mai Chi
- (3) _____
- (4) _____
- (5) _____
- (6) _____
- (7) _____
- (8) _____
- (9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: PHAM VAN NHAN
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1968 Đến 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng Chánh Hạ Vu Serial Number: Không nhớ rõ
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Phủ Đốc Hộ trung ương tỉnh bái
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Thiếu tá Nguyễn Khảo Bình

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Đầu có năm 1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

McDonough và các

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương trình huấn luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

Pháo binh cấp tối thiểu

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân thưởng hoặc giấy khen:

McDonough

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

*Available? Yes ☐ No ☐.

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

Thống

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

Phạm Văn Nhân

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

1975

To:

Tới:

13.2.1978

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Tất cả mọi giấy tờ có liên hệ tới chết do VNCH cũ
bi tịch thu trong lúc bị khám xét nhà ở
từ đầu năm 1978 tới nay, tôi đã 3 lần gửi mail
tới nay và các giấy tờ liên hệ tới Bangkok (Thailand)
theo địa chỉ ghi trên giấy nhưng không được trả lời

Signature

Ký tên :

Phạm Văn Nhân

Date

Ngày:

30 tháng 3 năm 1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy ra trại - Giấy khai sinh bản thân và khai sinh con vợ và con.
- Giấy hôn thú - Giấy chứng minh nhân dân - Hộ khẩu

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV 0

Date:

Ngày: 30.3.1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết bằng Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : PHAM VĂN NHÂN Sex:
Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 14.5.1936 Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 37/24 Cao Thắng 8 phường 6 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : như trên
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Tự do

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Cao Thị Phi	20.6.1951	Nam Định		M	Vợ
2. Phạm Mạnh Bảo	26.9.1975	TP HCM		S	Con
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thông chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S:
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Không

Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Không

Không

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Phạm Việt Nhân (Chết)

2. Mother
Mẹ

: Nguyễn Thị Hiền (Sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Cao Thị Phi (Sống)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

:

5. Children
Con cái:

- (1) Phạm Mạnh Bảo
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

Siblings
Anh chị em:

- (1) Phạm Văn Hào
- (2) Phạm Thị Mai Chi
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có lần việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mĩ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: PHAM VĂN NHÂN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1968 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng Chánh-Sứ Vụ Serial Number: Không nhớ rõ
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Phân Đắc Uy trung ương Tỉnh Bạc

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Thiếu-tướng Nguyễn Khảo Bình

6. Reason for Separation : Điền cơ' năm 1975
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s) : Không nhớ rõ
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam : Thảo luận căn bản cấp tối thiểu
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award : Không Date received :
Phân-thưởng hoặc giấy khen : Ngày nhận :

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đúng số có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee : Không
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện :
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Tối: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation : Phạm Văn Nhân
Họ tên người đi học-tập cải-tạo :
2. Time in Reeducation: From To:
Thời gian học-tập Từ: 1975 Tối: 13.2.1988
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Tôi cả mọi giấy tờ có liên hệ tới chế độ VNCH cũ đã bị tịch thu trong lúc bị khám xét nhà ở.
Từ đầu năm 1988 tới nay, tôi đã 3 lần gửi mẫu đơn này về các giấy tờ liên hệ tới Bangkok theo địa chỉ ghi trên giấy nhưng không được trả lại.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày :

30 tháng 3 năm 1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy ra trại - Khai sinh của bản thân; khai sinh của vợ và con.
- Giấy hôn thú - Giấy chứng minh nhân dân - Hộ khẩu.

Ngày 30 tháng 3 năm 1990

Kính gửi Bà Chủ tịch
Hội Giáo dục tình nhân chính trị Việt Nam.

Thưa Bà,

Chúng tôi và cùng cộng đồng với kích cỡ thì nhận được thư
hồi âm mà Bà Chủ tịch Hội đã liên lạc rõ ràng những điều
cần phải làm về thủ tục cấp hộ tịch xin định cư cho các con
cải tạo viên. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bà và các
vị trong ban điều hành Hội đã hết sức quan tâm và luôn
luôn giúp đỡ tận tình cho những cựu tù nhân chính trị
như chúng tôi.

Theo lời chỉ dẫn của Hội, tôi xin gửi tới Hội
những giấy tờ cần theo dõi mà Hội đã nêu ra trong
thư hồi âm mà chúng tôi đã nhận được.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn Bà và
Hội.
Trân trọng chào Bà.


Phạm Văn Nhàn

BỘ NỘI VỤ
Trại Thị trấn
Số /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Phạm Văn Nhân Sinh năm 1936

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hải Phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Lô 70 số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Trước và thời kỳ ly khai

Bị bắt ngày 15-6-1975 Án phạt TRỌT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Lô 70 số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Nhân đã cố gắng, trung thực

đảm bảo chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

Tiền cơ được đã cấp đủ về trại về đến địa chỉ.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Hội cư trú

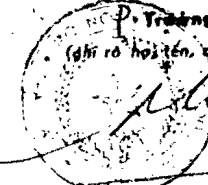
Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Lưu tay ngôn từ phải
Của Phạm Văn Nhân
Danh bân số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

P. Trưởng trại
(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)



BỘ NỘI VỤ
Trại Thị trấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số 6 /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Phạm Văn Nhân Sinh năm 1936

Các tên gọi khác

Nơi sinh Núi Sơn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Lô 7C số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Truộm tài sản công ty tư nhân

Bị bắt ngày 15-6-1975 Án phạt TRUỘT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Lô 7C số 42 cư xá Hồ thành, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Nhân đã cố gắng, trau dồi

đạo đức, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

Tiền ci được đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Núi Sơn

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Làm tay ngỏ trở phải

Của Phạm Văn Nhân

Danh bìa số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

P. Trưởng trại
(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Phạm Văn Nhân

Phạm Văn Nhân

Phạm Văn Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022538142**

Họ tên **PHẠM VĂN NHÂN**

Sinh ngày **14-5-1936**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh.**

Nơi thường trú **37/24 Cách Mạng
Tháng 8, P.7, TB, TP. Hồ Chí Minh.**

Họ tên: kinh Tôn giáo: phật



NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 2cm
dưới sau đầu mắt



phải. 6 năm 1988

GIÁM ĐỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thân
Viết Chunh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020076586**

Họ tên **CAO THỊ PHI**



Sinh ngày **20-06-1951**

Nguyên quán **Nam Ninh**

Nơi thường trú **37/24, Cách-M-
Tháng 8, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo: Phật



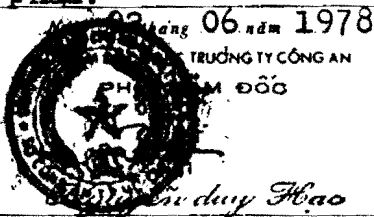
NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ-HÌNH

Sẹo chạm cách 3cm
trên sau đầu máy
phải.



NGÓN TRỎ PHẢI



Ngày 02 tháng 06 năm 1978

TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÒNG MỘT ĐỒ

Nguyễn Duy Hào

ĐỒ-THÀNH SAIGON

Bản số: 2423-

★

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Nam một ngàn chín trăm ba mươi sáu (1936)



Tên, họ đứa nhỏ	Phạm Văn Nhân
Phái	masculin
Ngày sanh	le quatorze mai il neuf cent trente six à 17h30'
Nơi sanh	Saigon, rue Borel de no 110
Tên, họ người Cha	Phạm Việt Nhân
Nghề-nghiep	quartier maitre de la Marine
Nơi cư-ngụ	Saigon, rue Daranton no 77C
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn Thị Diên
Nghề-nghiep	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, rue Daranton no 77C
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH: TRẠCH

Saigon, ngày— 9 — tháng— 1 — năm 1975

T.Ư.N. ĐỒ TRƯỞNG SAIGON

CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Lee

ĐỒ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Bản số: 211-1-

★

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Nam một ngàn chín trăm ba mươi sáu (1936)



Tên, họ đứa nhỏ	Phạm văn Hiến
Phái	masculin
Ngày sanh	le 24 octobre 1936 à 11 heures cent trente six à 17h30'
Nơi sanh	Saigon, rue Borel de no 110
Tên, họ người Cha	Phạm viết Hiến
Nghề-nghiệp	quartier maitre de la Marine
Nơi cư-ngụ	Saigon, rue Duranton no 77C
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Hiến
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, rue Duranton no 77C
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BÊN CHÁNH: TRẠI 70

Saigon, ngày— 9. tháng— 1— năm 1975—

T.Ư.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Lucie

4/10/1975

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~022538742~~

Họ tên PHẠM VĂN NHÂN

Sinh ngày 14-5-1936

Nguyên quán Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú 37/24 Cách Mạng
Tháng 8, P.7, TB, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: kinh .. Tôn giáo: .. phật ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 2cm
dưới .. sau đầu mắt ..

Phải .. tháng .. 6 năm 1988

TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



Chanh
Viết Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020076586**

Họ tên **CAO THỊ PHI**

Sinh ngày **20-06-1951**

Nguyên quán **Nam Ninh**

Nơi thường trú **37/24, Cách-M-
Tháng 8, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 3cm
trên sau đầu mày
phải.

Ngày tháng 06 năm 1978

TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÒNG M ĐỒC

NGON TRỐ TRAI

NGON TRỐ PHẢI



Trưởng đơn vị **Hào**

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PhÁP,

SỞ TƯ-PhÁP NAM-Phân

TOÀ HOÀ-GIẢI
SAIGON

Lục-sao y bản chánh để tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 6287.HT (1)

Ngày 6

Ngày 6 tháng 4 năm 19 57 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

Cao-thị-Phi

Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 6 tháng 4 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN BA ĐẠO Chánh-án Toà Hoà-Giải.
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Nguyễn Kim Phong

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

NGUYỄN HOANG MÔ

2.—

LE VAN HUY

3.—

NGUYỄN THỊ LỊCH



Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

Cao-thị-Phi

sinh ngày 20/6/1931 tại Quất-Lâm, Nam-Dịnh, con của ông

Cao-dinh-Liên và bà Dinh-thị-Táo.

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

cha y

không có thể xin sao-lục

sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



LỤC-SAO Y,

25 tháng 6 năm 19 69

CHÁNH-LỤC-SỰ,

LÊ-CHÍ-MẬU

GIA TIỀN : 5000

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG QUẬN 2

PHƯỜNG HUYỀN SĨ

Số hiệu: 44691 AA

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

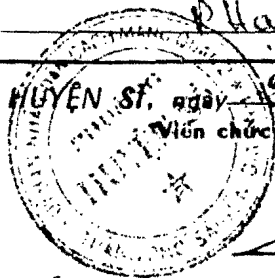
TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 29 tháng 9 năm 1975



Tên họ đứa trẻ	<u>Phạm Hạnh Bảo</u>
Con trai hay gái	<u>Nam</u>
Ngày sanh	<u>Hai mươi sáu tháng chạp năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm</u>
Nơi sanh	<u>284, Cống Quỳnh, Quận 2.</u>
Tên họ người Cha	<u>Phạm Văn Nhân</u>
Tên họ người Mẹ	<u>Cao Thị Phi</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú	<u>Chính</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Phạm Việt Nhân</u>

PHƯỜNG HUYỀN SĨ, ngày 29 tháng 11 năm 1975
Viên chức Hộ Tịch,



PHAN THỤ

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN BA

PHƯỜNG Cự Kế Đô Thành

Số hiệu 25

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 11 tháng 03 năm 1975 TỶ/10b

Tên họ chồng	PHẠM VĂN NHÂN
Ngày và nơi sanh	Ngày mười bốn tháng năm năm một ngàn chín trăm ba mươi sáu, Tại Saigon.
Tên họ cha chồng	PHẠM VIỆT NHÂN (Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	NGUYỄN THỊ HIỀN (Sống/Chết)
Tên họ vợ	CAO THỊ PHI
Ngày và nơi sanh	Ngày hai mươi tháng sáu năm một ngàn chín trăm năm mươi một, Tại Làng Quất Lan, Nam-Định.
Tên họ cha vợ	CAO BÌNH LIÊU (Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	ĐINH THỊ TỎ (Sống/Chết)
Ngày lập hôn thú	Ngày mười một tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, Giờ 9g10'
Có lập hôn khế không	///

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Saigon, ngày 18 tháng 03 năm 1975

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

Đại-Ủy VƯƠNG-VĂN-DÂY

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :	Chứng nhận đã chuyển đến ở :
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu	Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :	Chứng nhận đã chuyển đến ở :
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu	Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Chính Tổ chức Bộ Thành Cao
Thị Kim Hoàng Di Việt
Nhân



NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

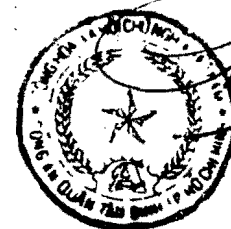
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 226991 CN

Họ và tên chủ hộ : Cao Văn Liêu
 Ấp, ngõ, số nhà : 37 / 24
 Thị trấn, đường phố : Cách Mạng Tháng Tám
 Xã, phường : Bình Hưng
 Huyện, quận : Tân Bình

Ngày 10 tháng 03 năm 1982
 Trưởng công an : Tân Bình
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CÔNG AN QUẬN



Số NK 3 :

CHIEU TỰ TRÊN CÔNG AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌA TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
1.	Cao Đình Liều	củ nỏ	năm	1940	020989119
2	Linh Thị Thảo	vợ	nữ	14/1/1943	020989120
3	Cao Thị Kim Dung	con	nữ	9/11/1958	020989121
4	Phạm Mạnh Giới	cháu	năm	26/9/1975	
5	Cao Thị Ghi	con	nữ	20/5/1951	020076586
6	Bà An	con	nữ	1947	022078073
7	Phạm Văn Nhân	Con rể	Nam	1936	022538142

ĐƠN TEN

CỘNG NHÂN VIỄN

11-10-1976

11-5-1977

16-5-1977

SG PCB

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN BA

PHƯỜNG Cư Xá Đô Thành

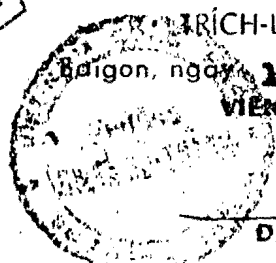
Số hiệu 25

TRÍCH-LỤC CHỨNG THU HÔN-THÚ

Lập ngày 11 tháng 03 năm 1975 TY/101

Tên họ chồng	PHẠM VĂN NHÂN
Ngày và nơi sanh	Ngày mười bốn tháng năm năm một ngàn chín trăm ba mươi sáu, Tại Saigon.
Tên họ cha chồng	PHẠM VIỆT NHÂN (Sống/Chết) <u>X</u>
Tên họ mẹ chồng	NGUYỄN THỊ HIỀN (Sống/Chết) <u>X</u>
Tên họ vợ	CAO THỊ PHI
Ngày và nơi sanh	Ngày hai mươi tháng sáu năm một ngàn chín trăm năm mươi một, Tại Làng Quất-Lam, Nam-Dịnh.
Tên họ cha vợ	CAO BÌNH LIÊU (Sống/Chết) <u>X</u>
Tên họ mẹ vợ	ĐINH THỊ TỎ (Sống/Chết) <u>X</u>
Ngày lập hôn thú	Ngày mười một tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, Hồi 9 giờ 40'
Có lập hôn khế không	///

MIỄN LỆ-THAI



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Saigon, ngày 10 tháng 03 năm 1975

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

Đại-Ủy VƯƠNG-VĂN-BAY

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP,

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TOÀ HOÀ- GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chính để tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 6287 HT (1)

H37.6

Ngày 6 tháng 4 năm 19 57 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

Cao-thị-Phi

Năm một ngàn chín trăm

57 ngày 6 tháng 4 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là

NGUYỄN BA ĐẠO

Chánh-Án Toà Hoà-Giải

Đo-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Nguyễn Kim Phong

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

NGUYỄN HOANG MÔ

2.—

LE VAN KHI

3.—

NGUYỄN THỊ LỊCH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

Cao-thị-Phi

sinh ngày 20/6/1931 tại Quất-Lâm, Hạc-Dĩnh, con của ông

Cao-dinh-Liêu và bà Dĩnh-thị-Tào.

Và duyền cớ mà
khai-sanh được, là vì

cha y

không có thể xin sao-lục

sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,



Saigon, ngày

LỤC-SAO Y,

25 tháng 6 năm 19 69

CHÁNH - LỤC - SỰ,

GIA TIỀN : 5000

(1) Chỉ tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

LÊ-CHÍ-MẬU

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG QUẬN 2

PHƯỜNG HUYỆN SĨ

Số hiệu : 4401 AA

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

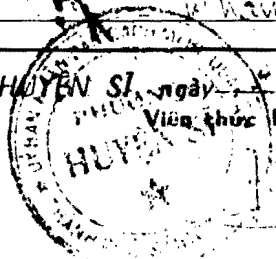
Lập ngày 28 tháng 1 năm 1975



Tên họ đứa trẻ	<u>Phạm Minh Bắc</u>
Con trai hay gái	<u>nam</u>
Ngày sanh	<u>Ngày 28 tháng 1 năm 1975</u> <u>ở bệnh viện Phụ Sản Nhi Quận 2</u>
Nơi sanh	<u>284, Cống Quỳnh, Quận 2.</u>
Tên họ người Cha	<u>Phạm Văn Nhân</u>
Tên họ người Mẹ	<u>Trần Thị</u>
Vợ/chánh hay không có hôn thú	<u>Chánh</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Phạm Văn Nhân</u>

PHƯỜNG HUYỆN SĨ ngày 28 tháng 1 năm 1975

Viên chức Hộ Tích.



PHAN THỤ

Số: 138

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y DÂN CHÍNH

Xã Định Lai UBND Phường

Ngày 07 tháng 10 năm 1988

QUẬN 7, Q. TÂN BÌNH

ỦY VIÊN CHỦ KÝ



Nguyễn Thị Kim Ngọc

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :	Chứng nhận đã chuyển đến ở :
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu	Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :	Chứng nhận đã chuyển đến ở :
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu	Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Chính Tẩu cột Ba Thành Cao
Thị Kim
Nhiệm

10/10/1982



NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

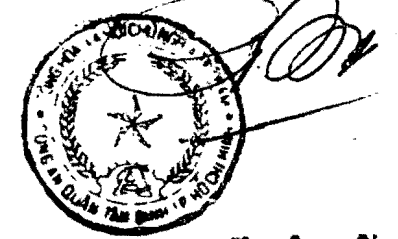
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 226991 CN

Họ và tên chủ hộ : Cao Văn Liêu
Ấp, ngõ, số nhà : 37/24
Thị trấn, đường phố : Cách Mạng Tháng Tám
Xã, phường : Bình An
Huyện, quận : Tân Bình

Ngày 10 tháng 03 năm 1982
Trưởng công an : Tân Anh
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ TƯỚNG AN QUÂN



Số NK 3 :

Thị trấn, phường, xã, huyện, quận

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Đình Liêu	con rể	nam	1910	020989119		1/10/1976		
2	Trần Thị Thảo	con	nữ	14/1/1913	020989120		1/10/1976		
3	Trần Thị Kim Dung	con	nữ	9/11/1958	020989121	đàn ông	1/10/1976		
4	Trần Văn Khanh	con	nam	26/9/1975			11/5/1977		
5	Trần Thị Thi	con	nữ	20/5/1971	020076586	công nhân viên	11/5/1977		
6	Trần Văn Khanh	con	nam	1977	022078073		12/7/1977		
7	Phạm Văn Nhân	con rể	nam	1936	022538142		16-5-1977		

PHAM VAN NHAN
37/24 CACH MANG THANG 8
QUẬN TÂN BÌNH
TP HOCHIMINH
VIET NAM

K/g: Mrs KHUC MINH THO

P.O Box 5435

ARLINGTON, VA 22205 - 0635

APR 23 1990

U.S.A